

Hạ long, ngày 05 tháng 03 năm 2024

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Y dược cổ truyền Quảng Ninh đang có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm vật tư, hóa chất, khí y tế năm 2024 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Y dược cổ truyền Quảng Ninh (Địa chỉ: Cột 8, phường Hồng Hà, tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh).
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
 - Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng KHTH – Bệnh viện Y dược cổ truyền Quảng Ninh (Địa chỉ: Cột 8, phường Hồng Hà, tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh).
 - Nhận qua Email: khth.bvydctqn@gmail.com
 - Điện thoại: 0203.3838170
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Ngày 18/03/2024
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: 90 ngày kể từ ngày báo giá

II. Nội dung yêu cầu báo giá.

- Bệnh viện Y dược cổ truyền đăng tải các thông tin nhu cầu mua sắm vật tư, hóa chất, khí y tế phục vụ công tác chuyên môn năm 2024 (phụ lục I đính kèm)
- Địa điểm cung cấp, lắp đặt: yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản tại Bệnh viện Y dược cổ truyền Quảng Ninh.
- Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Không.
- Các thông tin khác (nếu có): Không

Do nhu cầu cấp thiết về mua sắm vật tư, hóa chất, khí y tế của Bệnh viện năm 2024, kính đề nghị các hãng sản xuất, nhà cung cấp nhanh chóng cung cấp thông tin để bên Bệnh viện tiến hành các thủ tục tiếp theo.

** Ghi chú: Đơn vị cung cấp báo giá chịu trách nhiệm cung cấp thông tin về giá của hàng hóa phù hợp với khả năng cung cấp và phải bảo đảm việc cung cấp báo giá không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá hoặc nâng khống giá.*

Bệnh viện Y dược cổ truyền Quảng Ninh trân trọng thông báo!

Nơi nhận:

- Phòng KHTH (Tổ CNTT đăng tải)
- Lưu: VT, KHTH

Giám đốc

Nguyễn Thị Hương





PHỤ LỤC I

(Đính kèm thư mời ngày 05 tháng 03 năm 2024)

STT	Tên hàng hóa	Nội dung (Yêu cầu kỹ thuật tham khảo)	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng
SINH PHẨM - VẬT TƯ					
1	Ống nghiệm EDTA	Thân ống được làm bằng chất liệu nhựa PP kích thước 12x75mm cho dung tích tối đa 5ml, nắp nhựa màu xanh dương. Hóa chất bên trong là EDTA K3	Khay 100 ống	Ống	10.000
2	Ống nghiệm Heparin	Thân ống được làm bằng chất liệu nhựa PP kích thước 12x75mm cho dung tích tối đa 5ml, nắp nhựa màu đen. Hóa chất bên trong là Heparin lithium	Khay 100 ống	Ống	10.000
3	Kim quang (Kim máy laze nội mạch)	Kim quang dùng một lần có cấu trúc phích cắm khoá nhanh để dễ dàng kết nối với lối ra laser cũng như với catheter	Túi 01 cái	Cái	3.000
4	Kim luồn tĩnh mạch catheter	Nòng kim bằng thép không rỉ, sắc, cắt vát 3 mặt. Thân Catheter chất liệu ETFE. Đầu catheter ôm kim. Tiệt trùng. Có nhiều cỡ kim khác nhau. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE	Hộp 50 cái	Cái	3.000
5	Kim châm cứu số 5	Vĩ nhôm, cán đồng, có khuyên, thân kim sử dụng thép chuyên dụng, dẫn điện tốt. Vô trùng. Dùng 1 lần hoặc hấp sấy dùng nhiều lần. Kích thước :0,30mmx25mm; 0,25mmx25mm. TCCL: ISO 13485	Hộp 100 cái	Cái	2.300.000
6	Kim châm cứu số 10	Vĩ nhôm, cán đồng, có khuyên, thân kim sử dụng thép chuyên dụng, dẫn điện tốt. Vô trùng. Dùng 1 lần hoặc hấp sấy dùng nhiều lần. Kích thước : 0,30mmx75mm. TCCL: ISO 13485	Hộp 100 cái	Cái	100.000
7	Bông y tế thấm nước	Nguyên liệu: 100% Cotton; Không dùng chất tạo màu trắng; Khả năng giữ nước: Trung bình 5g bông giữ được $\geq 100g$ nước; Tốc độ chìm $\leq 8s$; Chất tan trong nước: không quá $\leq 0,5\%$; Giới hạn acid-kiềm: cả 2 dung dịch không có màu hồng; Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Túi 01 kg	Kg	400



8	Bơm tiêm nhựa 5 ml	Bơm tiêm nhựa liền kim 5 ml các loại: Đầu xoắn và đầu thường, cỡ kim 23G x 1", 25G x 1". Pít tông có khía bề gãy, không chứa DEHP. kim được làm bằng thép không gỉ, đầu kim vát, sắc, không có gờ. Được tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Hộp 100 cái	Cái	150.000
9	Cồn 70 độ	Thành phần: Ethanol 70%	Can 30 lít	Lít	1.500
10	Găng khám bệnh các cỡ	Găng khám chất liệu Latex tự nhiên. Kích thước: có nhiều size. Chiều rộng: 70mm - 110mm. Chiều dài 240mm (± 10 mm). Độ dày $\geq 0,08$ mm; Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016	Hộp 50 đôi	Đôi	4.500
11	Găng phẫu thuật	Nguyên liệu: mũ kem latex ly tâm tự nhiên. Hàm lượng protein chiết suất $\leq 200\mu\text{g/g}$ găng tay. Độ dài 280mm (± 10 mm). Độ dày $\geq 0,1$ mm. Được tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Hộp 50 đôi	Đôi	5.000
12	Gel siêu âm	Gel sử dụng trong siêu âm, phù hợp với tần số siêu âm đang sử dụng. Không gây mẫn cảm hoặc rát da, gel trong, tan hoàn toàn trong nước, độ PH trong khoảng 6.5-7.5. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Can 05 lít	Can	90
13	Nilon đóng túi sắc máy	Chiều dài 350 đến 400 mét, khổ ngang 10cm. Bộ đóng gói được 2.400 túi với dung tích 100ml/túi. Bộ 2 cuộn. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001, CFS	Bộ 2 cuộn	Cuộn	100
14	Băng dính 2,5cm x 5m	Băng dính: Chất liệu phần nền vải lụa cellulose acetate, Chất keo oxyd kẽm không dùng dung môi, lực dính 1,8 - 5,5N/cm. Lõi nhựa. Có kiểm tra vi sinh (giới hạn vi sinh hiếu khí ≤ 100 cfu/g, men và nấm mốc ≤ 10 cfu/g, không có Pseudomonas aeruginosa, Staphylococcus aureus, Enterobacteria). Kích thước 2,5cm x 5m Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, CE	Hộp 12 cuộn	Cuộn	300
15	Chloramin	Bột khử khuẩn $\geq 25\%$ Chlor hoặc các hợp chất chứa Chlor	Thùng 25kg	kg	70
16	Gạc phẫu thuật 10x10cmx8 lớp	Thành phần: Gạc được dệt từ sợi 100% Cotton Tẩy trắng bằng oxy già, không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Detrix. Tốc độ hút nước ≤ 8 giây. Độ trắng $\geq 80\%$. Độ pH: trung tính. Được tiệt trùng. Kích thước 10cm x	Gói 10 cái	Cái	2.000

		10cm x 8 lớp. Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485			
17	Dây thở oxy 2 đường các cỡ người lớn	Chất liệu nhựa y tế, chiều dài ≥ 220 cm. Dây oxy 2 nhánh, chống gãy gập tắc nghẽn, viên ống thiết kế tròn. Được tiệt trùng. Có bao chứa an toàn đi kèm. Đạt tiêu chuẩn (ISO 9001, ISO 13485) hoặc tương đương	Kiện 500 cái	Cái	200
18	Dung dịch rửa vết thương	Thành phần: NaCl 0,9%. Dung dịch dùng để rửa vết thương. Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485:2016	Chai 500ml	Chai	1.100
19	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh	Chlorhexidine Digluconate 0,5% (v/v); Ethanol 80% (v/v); Isopropyl alcohol (Isopropanol) 7.2% (v/v) và các chất phụ gia, chất dưỡng da	Chai 500ml	Chai	400
20	Gel bôi trơn	Gel bôi trơn tan trong nước, dùng bôi trơn trong nội soi, thăm khám, bôi trơn âm đạo. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Đã được tiệt trùng.	Tuýp 82gram	Tuýp	40
21	Khẩu trang 3 lớp	Khẩu trang 3 lớp bao gồm 2 lớp vải không dệt không thấm nước: 100% Olefin hoặc Polypropylene, giấy lọc (lớp giữa), dây đeo, gọng nhựa. Được tiệt trùng.	Hộp 50 cái	Hộp	100
22	Kim lấy thuốc các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Kim: được làm bằng thép không gỉ mạ Crom hoặc Niken. - Đầu kim vát 3 cạnh, sắc nhọn, không gờ, có nắp chụp bảo vệ - Thân kim nhẵn, tròn đều, có đủ độ cứng cơ khí, không bị cong vênh, không tạp chất bên trong, được phủ Silicone. - Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế - Sản phẩm đóng gói trong túi riêng, không có độc tố và chất gây sốt, không có chất DEHP, được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O) 	Hộp 100 cái	Cái	11.000
23	Túi đựng nước tiểu	Làm bằng vật liệu nhựa, có khóa vận $\frac{3}{4}$ vòng, dây dẫn dài 0.75 m, tính năng chống trào ngược có lỗ treo, không gây độc hại không gây kích ứng. Có vạch chia dung tích. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Kiện 200 cái	Túi	120
24	Dây GARO	Làn từ cotton, có gai dính hai đầu, kích thước 2,5x3 cm.	Túi 10 cái	Cái	100
25	Dây ống thông	Sonde Foley 2 nhánh. Số 16. Chất liệu	Túi 01	Cái	50

11/2023

	tiêu Sonde foley 2 nhánh 16Fr	cao su thiên nhiên có phủ silicon, bóng 30ml, 2 nhánh, chất liệu không có chất DEHP. Tiêu chuẩn (ISO 13485, CE) hoặc tương đương	cái		
26	Sonde hút dịch số 12	$6 \leq Cỡ \leq 16$ (tối thiểu 5 cỡ). Ống dài ≥ 50 cm. Có ≥ 2 mắt phụ. Có đầu để kết nối với các thiết bị phụ trợ.	Túi 01 cái	Cái	80
27	Phim CT Scanner 35x43cm (dùng cho máy in TX55 Lase imager)	- Kích cỡ: 14x17in (35x43cm) - Lựa chọn các kích cỡ phim với lớp nền xanh, độ dày 7 mil. - Có thể lưu trữ hình ảnh được hơn 100 năm ở nhiệt độ dưới 25°C, độ ẩm 30- 50%R - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; CE; FDA	Hộp 125 tờ	Hộp	4
28	Phim Xquang 10x12cm (dùng cho máy in DRYSTAR 5302)	Kích thước: 10 inch x 12 inch. Dòng phim thang xám kỹ thuật số trực tiếp thế hệ thứ 2 Đậm độ quang học ≥ 3.2 Nền PET dày $\geq 168 \mu\text{m}$, phủ lớp muối bạc Tính chất nhạy nhiệt nhằm thay phim dễ dàng dưới môi trường sáng thông thường Chứng nhận ISO 13485, ISO 9001, CE Phù hợp với các dòng máy in Drystar	Hộp 100 tờ	Tờ	6.000
29	Giấy điện tim 6 cân	Dùng cho máy điện tim 6 cân Kích thước: 110mm x 140mm x 143sheet, Dạng tập. TCCL: EN ISO 13485	Túi 01 tập	Tập	300
30	Viên nén khử khuẩn	Thành phần tối thiểu gồm: Dichloroisocyanurate (Troclösen Sodium). Viên nén, dạng sủi tan trong nước tạo dung dịch có độ pH acid. Quy cách đóng gói: Hộp 100 viên. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Hộp 100 viên	Viên	9.000
31	Dung dịch khử khuẩn dụng cụ y tế loại 1 lít	-Thành phần: Didecyl dimethyl ammonium chloride 10%, Poly, hydrochloride 1,5%, chất hoạt động bề mặt, chất chống ăn mòn, hương liệu, nước.. - Làm sạch và tiền khử khuẩn các dụng cụ nội khoa, ngoại khoa, dụng cụ không chịu nhiệt và dụng cụ nội soi	Chai 01 lít	Lít	35
32	Dung dịch tẩy rửa và khử	2% Glutaraldehyde, pH=6 khử khuẩn mức độ cao dụng cụ nội soi và các dụng	Can 05 lít	Can	40

	nhiễm dụng cụ	cụ không chịu nhiệt. Dung dịch pha sẵn không cần hoạt hóa. pH = 6. Diệt khuẩn theo tiêu chuẩn EN 14561, diệt nấm theo tiêu chuẩn EN 14562, diệt virus theo tiêu chuẩn EN 14476 +A1 và diệt Mycobacterial.			
33	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao	Thành phần tối thiểu gồm: Ortho-phthalaldehyde 0,55%; pH 7,2 - 7,8. Thời gian ngâm khử khuẩn mức độ cao ≤ 5 phút, tái sử dụng trong vòng 14 ngày. Thời gian bảo quản dung dịch trong can đạt ≥ 75 ngày tính từ khi mở nắp. Không gây ăn mòn dụng cụ, tương thích với nhiều loại dụng cụ và vật liệu (kể cả Polystyrene, Cyanoacrylate). Sử dụng được với các dụng cụ bằng vật liệu cao su silicone. Có chứng nhận tương thích với dụng cụ nội soi của các hãng đang sử dụng tại đơn vị (Olympus, Karl Storz, Pentax...). Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485:2016 Quy cách đóng gói: Can ≥ 3,78 lít.	Can 3,78 lít	Can	10
34	Chỉ khâu liền kim không tiêu đơn sợi Polyamide số 3/0, dài 75 cm	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi Polyamide, số 3/0, sợi chỉ dài ≥ 75cm, kim thân tam giác, độ cong kim 3/8 vòng tròn, dài 24mm. Được tiệt trùng. Đóng gói vô trùng từng sợi. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE	Hộp 12 sợi	Sợi	12
35	Chỉ khâu liền kim tiêu chậm đa sợi collagen Chromic số 3/0, dài 75cm	Chỉ tiêu chậm đa sợi collagen tinh khiết lấy từ huyết thanh bò nhuộm với muối chrome. Chỉ số 3/0, sợi chỉ dài 75cm. Kim thép không rỉ, được phủ silicone, kim tròn đầu tròn, độ cong kim 1/2 vòng tròn, dài 26mm. Đóng gói vô trùng từng sợi. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016, ISO 13485:2016, CE	Hộp 12 sợi	Sợi	12
36	Chỉ khâu liền kim tiêu chậm đa sợi collagen Chromic số 5/0, dài 75cm	Chỉ tiêu chậm đa sợi collagen tinh khiết lấy từ huyết thanh bò nhuộm với muối chrome. Chỉ số 3/0, sợi chỉ dài 75cm. Kim thép không rỉ, được phủ silicone, kim tròn đầu tròn, độ cong kim 1/2 vòng tròn, dài 26mm. Đóng gói vô trùng từng sợi. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016, ISO 13485:2016, CE	Hộp 12 sợi	Sợi	12
37	Băng ngón tay	Băng vải, chất liệu Viscose và	Hộp 100	Hộp	1

EN
 C
 TIN
 INH

	19mm x 72mm	Polyamide co giãn, không thấm nước, vô trùng, phủ lớp lưới polyethylene không gây dính, keo oxid kẽm, ở giữa được phủ lớp chống dính polyethylene. Được đựng trong từng bao riêng. Kích thước: Băng: 19mm x 72mm ($\pm 10\%$); Gạc: 13mm x 23mm ($\pm 10\%$). Sản phẩm được tiệt trùng.	cái		
38	Dây truyền dịch có kim cánh bướm	<ul style="list-style-type: none"> - Dây truyền dịch có kim 2 cánh bướm có van khoá điều chỉnh; - Van thoát khí có màng lọc khí vô khuẩn; - Đầu nối Luer lock có cơ chế xoay giúp cho việc gắn kết với kim luôn. - Bồng nhỏ giọt có màng lọc dịch, thể tích $\geq 8,5\text{ml}$. - Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC hoặc tương đương; - Chiều dài dây dẫn $\geq 1500\text{mm}$. - Được tiệt trùng. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. 	Túi 01 bộ	Bộ	30
39	Kim luôn 14-16G	-Kim luôn tĩnh mạch chất liệu FEP. Đầu kim vát 2 lần thành 3 cạnh siêu sắc. Hai vạch cản quang ngầm. Nút chặn an toàn ở đuôi kim luôn với màng lọc Hydrophobic chặn máu chảy ra ngoài, đồng thời thoát khí, ngăn hình thành bọt khí trong quá trình thăm máu. Thời gian lưu kim $\geq 96\text{h}$. Các size 14,16	Hộp 50 cái	Cái	50
40	Mũ phẫu thuật	-Sản xuất từ nguyên liệu gạc không dệt, thông thoáng, mềm mại, đảm bảo bao phủ mọi kiểu tóc. Đóng gói bằng túi ép tiệt trùng; Tiệt trùng bằng khí EO. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Túi 01 cái	Cái	300
41	Dung dịch rửa tay thường quy	Thành phần tối thiểu gồm: Chlorhexidine Digluconate 2% (w/v); Sodium lauryl Ether Sulfate; Sodium lauryl Benzene Sulfonate. Chất dưỡng da giữ ẩm: Glycerine; Polyquatium 7 (merquate 550); sorbitol, hương liệu. Quy cách đóng gói: Chai 500ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 13485:2016	Chai 500ml	Chai	20
42	Đầu côn cho pipet 1000uL	Đầu hút pipet đa năng có bộ lọc 1000 μl Xếp chồng, Vô trùng	Hộp/96 cái	Hộp	2
43	Đầu côn cho pipet 100uL	Đầu hút pipet đa năng có bộ lọc 100 μl Xếp chồng, Vô trùng	Hộp/96 cái	Hộp	3
44	Chỉ thị hóa học đa thông số vạch	- Phù hợp kiểm tra các chu trình tiệt trùng nhiệt độ từ: 118oC đến 138oC	250 miếng /	Gói	4

	dịch chuyển cho hấp ướt	<ul style="list-style-type: none"> - Điều kiện kiểm tra: Hơi nước bão hòa ở 121oC, 128oC và 135oC - Dễ dàng đọc kết quả đạt /không đạt dựa trên dự di chuyển của vạch dịch chuyển ở vùng đạt /không đạt - Sự di chuyển của vạch dịch chuyển phụ thuộc vào chất lượng hơi nước, thời gian và nhiệt độ - Kích thước: ≥ 52 mm x 21 mm - Thành phần: nhôm: 40-60%, giấy cellulose: 15-25%, chất dính: 10-15%, chất chảy: 5-10%, màng plastic: 3-5%, chất màu, thuốc nhuộm: < 1% - Tiêu chuẩn: ISO 1140-1:2014; 13485:2016; FDA 	gói		
45	Chỉ thị nhiệt hấp ướt	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước: ≥ 18 mm x 50 m - Chuyển màu: Vàng sang Nâu đậm / Đen. - Bề mặt băng keo được phủ chất liệu cho phép dễ viết. - Băng keo có thể dính lên các vật liệu đóng gói như: vải, giấy, và plastic - Thành phần sản phẩm: giấy: ≥ 40 %; copolymer: ≥ 15 %; acrylic resin: ≥ 5.0 %; mực chỉ thị: ≥ 1.5 % - Thành phần của mực chỉ thị: Resin: ≤ 40.0 %; Dung môi hữu cơ: ≥ 35.0 %; Các chất phản ứng: ≥ 5 % - Tiêu chuẩn: ISO 13485:2016; FDA; ISO 11140-1:2014 	Túi 01 cuộn	Cuộn	20
46	Chỉ thị nhiệt hấp khô	Chiều dài: 50m, rộng $\geq 1,8$ cm	Túi 01 cuộn	Cuộn	10
47	Ống Eppendorf	Chất liệu nhựa PP nguyên sinh, dung tích mẫu 1.5ml. Được sử dụng cùng với máy ly tâm trong các thí nghiệm vi sinh trong sinh học phân tử. Chịu được lực ly tâm 16.000 RPM, nhiệt độ (-196) - 120 độ C (đun sôi được).	500 chiếc/túi , 12000c /thùng	Túi	1
48	Cốc đựng mẫu 1.5ml	Chất liệu nhựa PS nguyên sinh, kích thước 14*25mm, 1.5ml.	1000 chiếc/túi , 10000c/t hùg	Túi	1
49	Kim cấy chỉ số 9	<ul style="list-style-type: none"> -Đầu kim sắc bén, vô khuẩn, rất an toàn khi sử dụng và thuận lợi khi thao tác. - Thân kim và lõi kim được sản xuất từ sợi thép y tế không gỉ. - Giá đỡ kim, giá lót lõi, ống bảo vệ được 	Hộp 10 cái	Hộp	10

		làm từ nhựa PP chuyên dùng trong y tế. - Dùng chỉ catgut 3/0; 2/0.			
50	Mask (mặt nạ) thở oxy	- Chất liệu: Nhựa PVC - Gồm 01 chụp mask + 01 dây chun	Bộ 01 cái	Bộ	20
51	Chỉ khâu liên kim không tiêu đơn sợi Polyamide số 5/0, dài 75 cm	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi Polyamide số 5/0, sợi chỉ dài 75cm. Kim thép không rỉ, được phủ silicone, kim thân tam giác, độ cong kim 3/8 vòng tròn, dài 16mm. Đóng gói vô trùng từng sợi. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016, ISO 13485:2016, CE	Hộp 12 sợi	Sợi	12
52	Gạc củ ấu	- Gạc có cấu trúc hình củ ấu - Dùng trong các trường hợp điều trị thủ thuật và phẫu thuật sản khoa, cầm máu, phá mủ, rửa vết thương - Chất liệu từ 100% sợi cotton hút nước, có độ thấm hút cao. - An toàn cho người sử dụng. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Gói 10 cái	Cái	1.500
53	Giấy in kết quả siêu âm	Giấy dùng để in hình ảnh siêu âm đen trắng dùng cho máy in ảnh đen trắng SONY Dạng cuộn, kích thước: 110 mm x 20 mét. TCCL: ISO 13485	Hộp 12 cuộn	Hộp	25
54	Giấy in nhiệt	Kích thước 57mm x 30m, dạng cuộn. TCCL: Iso 13485	Hộp 12 cuộn	Hộp	10
55	Gạc hút	Thành phần: Gạc được dệt từ sợi 100% Cotton. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Detrix. Tốc độ hút nước ≤ 5 giây. Chất tan trong nước < 0,5%. Độ pH: trung tính. Độ trắng ≥ 80% (± 10%). Hàm lượng chất béo ≤ 0,5%. Kích thước: khổ 0,8m. 100 mét/tệp. Đạt tiêu chuẩn: (ISO 13485, 9001) hoặc tương đương	Bao 1.000 mét	Mét	200
56	Băng cuộn y tế 10cm x5m	Thành phần: Gạc được dệt từ sợi 100% Cotton. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Detrix, không có xơ mùn và dịch phủ tạng. Tốc độ hút nước ≤ 5 giây, Chất tan trong nước < 0,5%. Độ pH: trung tính. Độ trắng ≥ 80%. Hàm lượng chất béo ≤ 0,5%. Kích thước 10cm x 5m. Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485	Túi 10 cuộn	Cuộn	200
60	Test HIV	Test HIV nhanh	Hộp/100 test	test	50

61	Test HBsAg	Test nhanh viêm gan B	Hộp/100 test	test	50
62	Ống máu lắng chân không	Ống thủy tinh chân không 8x120 mm chứa 0.32 mL chất chống đông dung dịch Natri citrate (3.2%) -Thể tích mẫu: 1.28mL -Nút cao su butyl đảm bảo duy trì chân không -E-Beam Hồng ngoại	Hộp 50 ống	Ống	3.000
63	Anti A	Thuốc thử Anti-A		Lọ	1
64	Anti B	Là các thuốc thử có sẵn dẫn xuất từ việc nuôi cấy tế bào chuột lai. Anti-B kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CCS) B501100 1,0ml. ISO-13485		Lọ	1
65	Anti AB	Là các thuốc thử có sẵn dẫn xuất từ việc nuôi cấy tế bào chuột lai. Anti-AB kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CCS) A-5E10; B-2D7 1,0ml. ISO-13485		Lọ	1

DANH MỤC HÓA CHẤT

I. Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm nước tiểu 11 thông số Combi Scan 500 Hãng sản xuất: Analyticon

1	Que thử nước tiểu 11 thông số cho máy tự động	Thông số: Đo được 11 thông số nước tiểu bao gồm: Glucose, pH, Protein, máu, Ketones, Nitrite, Bilirubin, Urobilinogen, tỷ trọng, bạch cầu, acid Ascorbic. Thành phần thuốc thử Ascorbic acid: 2,6-dichlorophenolindophenol 0.7 % Bilirubin: diazonium salt 3.1 % Máu: tetramethylbenzidine-dihydrochloride 2.0 %, isopropylbenzol-hydroperoxide 21.0 % Glucose: glucose oxidase 2.1 %; peroxidase 0.9 %; otolidine-hydrochloride 5.0 % Ketones: sodium nitroprusside 2.0 % Bạch cầu: carboxylic acid ester 0.4 %; diazonium salt 0.2 % Nitrite: tetrahydrobenzo[h]quinolin-3-ol 1.5 %; sulfanilic acid 1.9 % pH: methyl red 2.0 %; bromothymol blue 10.0 % Protein: tetrabromophenol blue 0.2 % Tỷ trọng: bromothymol blue 2.8 % Urobilinogen: diazonium salt 3.6 %	Hộp 150 test	Hộp	50
2	Vật liệu kiểm soát mức 1 xét nghiệm bản định lượng các thông	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm phân tích nước tiểu, mức nồng độ 1 - Thành phần: nước tiểu người, dạng lỏng	Hộp (12 lọ x 12 ml)	Lọ	3

	số nước tiểu	<ul style="list-style-type: none"> - Có thể sử dụng cho cả xét nghiệm bằng que nhúng nước tiểu và máy phân tích nước tiểu sử dụng kính hiển vi - Ổn định 30 ngày sau khi mở nắp tại 2-25 ° C - Hạn sử dụng 2,5 năm kể từ ngày sản xuất khi bảo quản ở 2-8° C 			
3	Vật liệu kiểm soát mức 2 xét nghiệm bản định lượng các thông số nước tiểu	<p>Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm phân tích nước tiểu, mức nồng độ 2</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần: nước tiểu người, dạng lỏng - Có thể sử dụng cho cả xét nghiệm bằng que nhúng nước tiểu và máy phân tích nước tiểu sử dụng kính hiển vi - Ổn định 30 ngày sau khi mở nắp tại 2-25 ° C - Hạn sử dụng 2,5 năm kể từ ngày sản xuất khi bảo quản ở 2-8° C 	Hộp (12 lọ x 12 ml)	Lọ	3
II. Hóa chất dùng cho máy huyết học MEK-7300 Hãng sản xuất: Nihon Kohden					
4	Hóa chất pha loãng dùng cho máy phân tích huyết học	<ul style="list-style-type: none"> - Dùng để pha loãng máu cho máy xét nghiệm huyết học - Thành phần: Nước tinh khiết, natri sulfate khan $\geq 0.9\%$, Tris $\geq 0.1\%$ 	Can 18 L	Can	40
5	Hóa chất ly giải hồng cầu dùng cho máy phân tích huyết học	<ul style="list-style-type: none"> - Dùng để ly giải màng tế bào hồng cầu cho phân tích Hemoglobin - Thành phần: Nước tinh khiết, chất hoạt động bề mặt muối amoni bậc bốn 3.55% - 3.93% 	Can 500 ml	Can	15
6	Hóa chất ly giải hồng cầu dùng cho máy phân tích huyết học để tách bạch cầu	<ul style="list-style-type: none"> - Dùng để phá màng tế bào hồng cầu cho phân tích 5 thành phần bạch cầu - Thành phần: Nước tinh khiết, chất hoạt động bề mặt 1.04 - 1.12 g/L 	Can 500 ml	Can	10
7	Hóa chất rửa dùng cho máy phân tích huyết học	<p>Dùng làm chất rửa cho máy phân tích huyết học</p> <p>Trạng thái vật lí: chất lỏng</p> <p>Màu: xanh lá</p> <p>Mùi: nhẹ</p> <p>Độ pH: 7,7 đến 8,3</p> <p>Tính tan: tan trong nước</p> <p>Thành phần: Polyoxyethylene nonylphenyl ether và Ethylene glycol monophenyl ether</p>	Can 5L	Can	9
8	Hóa chất rửa dùng cho máy phân tích huyết học	<p>Dùng làm chất rửa cho máy phân tích huyết học</p> <p>Trạng thái vật lí: chất lỏng</p>	Can 5L	Can	4

	học loại đậm đặc	Màu: vàng hoặc vàng-xanh lá Mùi: khó chịu (clo) Độ pH: 10 đến 13 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Dung dịch Natri hypoclorit			
9	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học dùng để nội kiểm mức thường	Dùng để kiểm chuẩn máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: đỏ sẫm Độ pH: trung tính Tính tan: tan trong nước Thành phần: Hồng cầu người, bạch cầu bị kích thích và tiểu cầu của động vật có vú	Lọ 3 ml	Lọ	4
10	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học dùng để nội kiểm mức thấp MEK-5DL	Dùng để kiểm chuẩn máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: đỏ sẫm Độ pH: trung tính Tính tan: tan trong nước Thành phần: Hồng cầu người, bạch cầu bị kích thích và tiểu cầu của động vật có vú	Lọ 3 ml	Lọ	4
11	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học dùng để nội kiểm mức cao MEK-5DH	Dùng để kiểm chuẩn máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: đỏ sẫm Độ pH: trung tính Tính tan: tan trong nước Thành phần: Hồng cầu người, bạch cầu bị kích thích và tiểu cầu của động vật có vú	Lọ 3 ml	Lọ	4

III. Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động AU480 Hãng sản xuất: Beckmancoulter

12	Đo hoạt độ CK-MB (Isozym MB of Creatine kinase)	Hóa chất dùng cho xét nghiệm CK-MB ; dải đo: 10-2000 U/L ; phương pháp: Enzymatic immuno-inhibition (ức chế miễn dịch enzym), Bước sóng 340 (nm). Thành phần: Dung dịch đậm Imidazole (pH 6.7) 100 mmol/L; Diadenosine-pentaphosphate 0.01 mmol/L; Glucose 20 mmol/L; G6P-DH ≥ 2.8 kU/L; Creatine phosphate 30 mmol/L; N-Acetylcysteine 0.2 mmol/L; Kháng thể kháng tiểu đơn vị CK-M thay đổi;	2x22ml+ 2x4ml+2 x6ml	Hộp	1
----	---	---	----------------------------	-----	---

13	Định lượng Triglycerid	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Triglyceride ; dải đo: 0.1-11.3 mmol/L; phương pháp: GPO-POD; bước sóng 660/800 nM. Thành phần: 4-Aminoantipyrine 0.5 mmol/L; Lipases 1.5 kU/L (25 μ kat/L); Glycerol kinase 0.5 kU/L (8.3 μ kat/L); Peroxidase 0.98 kU/L (16.3 μ kat/L); Ascorbate oxidase 1.48 kU/L (24.6 μ kat/L); Glycerol-3-phosphate oxidase 1.48 kU/L (24.6 μ kat/L);	4x50ml+ 4x12.5ml	Hộp	1,5
14	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol)	Hóa chất dùng cho xét nghiệm HDL-Cholesterol ; dải đo: 0.05-4.65 mmol/L ; phương pháp: Enzymatic colour). Thành phần: Kháng thể kháng β -lipoprotein ở người nồng độ thay đổi; Cholesterol esterase (CHE) 0,8 IU/mL; Cholesterol oxidase (CHO) 4,4 IU/mL; Peroxidase (POD) 1,7 IU/mL; Ascorbate Oxidase 2 IU/mL; F-DAOS 0,2 mmol/L; 4-Aminoantipyrine 0,67 mmol/L	4x27ml+ 4x9ml	Hộp	1
15	Đo hoạt độ CK (Creatine kinase)	Hóa chất dùng cho xét nghiệm CK ; dải đo: 10-2000 U/L ; phương pháp dựa trên khuyến nghị của IFCC cho CK (NAC), bước sóng 340/660 nM. Thành phần: Imidazole (pH 6.5, 37°C) 100 mmol/L; NADP 2.0 mmol/L; Glucose 20 mmol/L; Creatine phosphate 30 mmol/L; N-acetylcysteine 0.2 mmol/L; Diadenosine pentaphosphate 0.01 mmol/L; G6P-DH \geq 2.8 kU/L;	4x22ml+ 4x4ml+4 x6ml	Hộp	1
16	Định lượng Glucose	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Glucose ; dải đo: 0.6-45 mmol/L ; phương pháp: Hexokinase, bước sóng 340 nM. Thành phần: Đệm PIPES (pH 7,6) 24,0 mmol/L, ATP \geq 2,0 mmol/L, Hexokinase \geq 0,59 kU/L, G6P-DH \geq 1,58 kU/L	4x25ml+ 4x12.5ml	Hộp	2
17	Định lượng Cholesterol toàn phần	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Cholesterol ; dải đo: 0.5-18 mmol/L ; phương pháp: CHO-	4x22.5ml	Hộp	1,5

		POD; bước sóng 540/600 nM. Thành phần: 4-Aminoantipyrine 0,31 mmol/L; Phenol 5,2 mmol/L; Cholesterol esterase $\geq 0,2$ kU/L (3,3 μ kat/L); Cholesterol oxidase $\geq 0,2$ kU/L (3,3 μ kat/L);			
18	Định lượng Acid Uric	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Uric Acid ; dải đo: 89-1785 μ mol/L ; phương pháp: Enzymatic colour. Thành phần: Phosphate Buffer (pH 7.5) 42 mmol/L; MADB 0.15 mmol/L; 4-Aminophenazone 0.30 mmol/L; Uricase ≥ 0.25 kU/L (4.15 μ kat/L);	4x30ml+ 4x12.5ml	Hộp	2
19	Đo hoạt độ AST (GOT)	Hóa chất dùng cho xét nghiệm AST ; dải đo: 3-1000 U/L ; Phương pháp dựa trên khuyến nghị của IFCC. Thành phần: L-aspartate 240 mmol/L; 2-Oxoglutarate 12 mmol/L; LDH ≥ 0.9 kU/L; MDH ≥ 0.6 kU/L; NADH 0.20 mmol/L;	4x6ml+4 x6ml	Hộp	12
20	Đo hoạt độ ALT (GPT)	Hóa chất dùng cho xét nghiệm ALT ; dải đo: 3-500U/L ; phương pháp dựa trên khuyến nghị của IFCC. Thành phần: L-Alanine 500 mmol/L; 2-Oxoglutarate 12 mmol/L; LDH ≥ 1.8 kU/L; NADH 0.20 mmol/L;	4x12ml+ 4x6ml	Hộp	12
21	Định lượng Ure	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Urea/Urea nitrogen ; dải đo: 0.8-50 mmol/L ; phương pháp: Urease/GLDH . Thành phần: NADH ≥ 0.26 mmol/L; 2-Oxoglutarate ≥ 9.8 mmol/L ;Urease ≥ 17.76 kU/L; GLDH ≥ 0.16 kU/L	4x53ml+ 4x53ml	Hộp	2
22	Đo hoạt độ GGT (Gama Glutamyl Transferase)	Hóa chất dùng cho xét nghiệm GGT ; dải đo: 5-1200 U/L ; phương pháp dựa trên khuyến nghị của IFCC. Thành phần: Glycylglycine pH 7,7 (37°C) 150 mmol/L; L- γ -glutamyl-3-carboxy-4-nitroanilide 6 mmol/L	4x40ml+ 4x40ml	Hộp	1
23	Định lượng Protein toàn phần	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Protein toàn phần ; dải đo: 30-120 g/L ; phương pháp: Biuret. Thành	4x25ml+ 4x25ml	Hộp	1

		phần: Sodium hydroxide 200 mmol/L; Potassium sodium tartrate 32 mmol/L; Copper sulphate 18.8 mmol/L; Potassium iodide 30 mmol/L.			
24	Định lượng Creatinin	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Creatinine ; dải đo: 5-2200 $\mu\text{mol/L}$; phương pháp: Kinetic Jaffe, bước sóng 520/800 nM. Thành phần: Natri hydroxide 120 mmol/L; Axit picric 2,9 mmol/L.	4x51ml+ 4x51ml	Hộp	2
25	Định lượng Bilirubin trực tiếp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Bilirubin trực tiếp ; dải đo: 0–171 $\mu\text{mol/L}$; phương pháp: DPD, bước sóng 570 nM. Thành phần: 3,5 Dichlorophenyl diazonium tetrafluoroborate 0.08 mmol/L	4x20ml+ 4x20ml	Hộp	1
26	Định lượng Bilirubin toàn phần	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Total Bilirubin ; dải đo: 0-513 $\mu\text{mol/L}$; phương pháp: DPD, bước sóng 540 nM. Thành phần: Caffeine 2.1 mmol/L; 3,5-dichlorophenyldiazonium tetrafluoroborate 0.31 mmol/L	4x15ml+ 4x15ml	Hộp	1
27	Hóa chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy	Huyết thanh hiệu chuẩn Thành phần: Huyết thanh người có hóa chất phụ gia và enzym thích hợp từ người, động vật và thực vật.	1x5ml	Lọ	6
28	Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hóa	Dung dịch rửa hệ thống. Thành phần bao gồm: Baypur CX 100; Sodium Hydroxide 1 - 2%; Genapol X080 1 - 2%; Sulfonic acids, C14-17-sec-alkane, muối natri 1 - 5%	1x5l	Can	1
29	Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm HDL/LDL-Cholesterol	Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm HDL/LDL-Cholesterol. Thành phần: Huyết thanh người dạng đông khô có chứa HDL-Cholesterol và LDL-Cholesterol (người)	1x5ml	Lọ	6
30	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CK-MB	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CK-MB. Thành phần: Huyết thanh người đông khô chứa creatine kinase-MB isoenzyme	1x1ml	Lọ	2
31	Hóa chất kiểm chứng mức 1 cho xét nghiệm CK-MB	Chất kiểm chuẩn mức 1 cho xét nghiệm CK-MB. Thành phần: Huyết thanh người đông khô chứa creatine kinase-MB isoenzyme.	1x2ml	Lọ	2

32	Hóa chất kiểm chứng mức 2 cho xét nghiệm CK-MB	Chất kiểm chuẩn mức 2 cho xét nghiệm CK-MB. Thành phần:Huyết thanh người đông khô chứa creatine kinase-MB isoenzyme.	1x2ml	Lọ	2
33	Hóa chất kiểm chứng mức 1 cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 1. Thành phần bao gồm: Huyết thanh người dạng đông khô chứa hóa chất phụ gia và các enzyme thích hợp có nguồn gốc con người và động vật.	1x5ml	Lọ	12
34	Hóa chất kiểm chứng mức 2 cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 2. Thành phần: Huyết thanh người đông khô có hóa chất phụ gia và enzym thích hợp có nguồn gốc từ người và động vật.	1x5ml	Lọ	12
35	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm HDL	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm HDL. Thành phần:Huyết thanh người dạng bột đông khô chứa HDL-Cholesterol (người).	2x3ml	Hộp	1
36	Xy-lanh hút bệnh phẩm	-Vỏ làm bằng thủy tinh độ bền cao. Lõi bằng nhựa trắng và thép chịu lực. Đường kính lõi 3mm. Dài 90mm. Dùng được cho máy xét nghiệm sinh hóa - AU480 - hãng sản xuất máy: Beckman Coulter		Cái	1
37	Xy-lanh hút hóa chất	- Vỏ làm bằng thủy tinh độ bền cao. - Lõi bằng nhựa trắng và thép chịu lực. Đường kính lõi 5mm. Dài 90mm. Dùng được cho máy xét nghiệm sinh hóa - AU480 - hãng sản xuất máy: Beckman Coulter		Cái	1
38	Bóng đèn máy sinh hóa	- Đèn sợi đốt trong. Điện áp 12V, 20W. - Dùng được cho máy xét nghiệm sinh hóa - AU480 -hãng sản xuất máy: Beckman Coulter		Chiếc	1

IV. Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động XL200 Hãng sản xuất: ERBA

39	Glucose 440	Hóa chất xét nghiệm sinh hóa	10 x44ml =440ml	Hộp	1
40	Tryglycerid 440	Hóa chất xét nghiệm sinh hóa	10 x44ml =440ml	Hộp	1

41	Cholesterol 440	Hóa chất xét nghiệm sinh hóa		Hộp	1
42	GOT (AST) 330	Hóa chất định lượng GOT (AST)	6x 44ml +3x 22ml	Hộp	1
43	GPT (ALT) 330	Hóa chất xét nghiệm sinh hóa	6x 44ml +3x 22ml	Hộp	1
44	Urê 275	Hóa chất xét nghiệm sinh hóa	5x 44ml+ 5x 11ml	Hộp	1
45	Creatinin 275	Hóa chất xét nghiệm sinh hóa	5x 44ml+ 5x 11ml	Hộp	1
46	XLWASH	Hóa chất dùng rửa máy xét nghiệm sinh hóa - Bảo quản: 15-25 độ C - Đạt tiêu chuẩn chất lượng : ISO 13485 : 2016 & EN ISO 13485 : 2016	4x100ml	Hộp	1
47	XL MULTICAL	Chức năng : Huyết thanh có nồng độ chuẩn, dùng để hiệu chuẩn các xét nghiệm thường quy Thành phần: Huyết thanh đông khô người. Bảo quản: 2-8 °C		Hộp	1
48	Control Norm	Dung dịch control mức bình thường cho xét nghiệm đông máu	ml	Lọ	1
49	Control Path	Dung dịch control mức cao cho xét nghiệm đông máu	ml	Lọ	1
Khí Y tế					
1	Oxy lỏng	Hàm lượng Oxy >= 99.5% Không màu, không mùi, không vị, không độc.	Chứa trong bồn chuyên dụng	Kg	26.000
2	Khí oxy bình 10L	Hàm lượng Oxy >= 99.5% Không màu, không mùi, không vị, không độc. Áp lực >140Bar	Oxy y tế bình 10 lít	Bình	90